

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trịnh Kỳ V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Trịnh Kỳ V và bà Ngô Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh T vào ngày 20/01/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2012 ông đã nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà N nhưng sau đó ông đã rút đơn khởi kiện để vợ, chồng có thời gian hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên từ năm 2012 đến nay tình cảm vợ, chồng không cải thiện được ông V và bà N đã sống đã sống ly thân từ năm 2012. Đến nay ông V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc đã thực sự tan vỡ, nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2017 và các lời trình bày tại tòa án bị đơn là bà Ngô Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ, chồng là do ông V ngoại tình từ năm 2009 nên không quan tâm đến vợ, con. Bà có bằng chứng về việc ông V ngoại tình là thư ông V viết cho người con gái khác vào năm 2009 và bà đã cung cấp cho Tòa án tài liệu trên. Bà công nhận tình cảm vợ, chồng có rạn nứt và trên thực tế vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Tuy nhiên bà vẫn còn yêu thương ông V, mặt khác hiện nay do hai con đã lớn bà muốn các con có một gia đình đầy đủ cả cha và mẹ để lo cho các con nên bà không đồng ý ly hôn với ông V mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ, chồng đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Kỳ V và bà Ngô Thị N thống nhất, thỏa thuận:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trịnh An H và Trịnh An P.

Hiện nay cháu Trịnh An H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nếu vợ, chồng ly hôn giao cháu Trịnh An P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với bà N mỗi tháng 1.700.000 đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng)

- Về tài sản chung: Vợ, chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về công nợ: Vợ, chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Kỳ V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và con chung đối với bà Ngô Thị N, cư trú tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Kỳ V và bà Ngô Thị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ, chồng là ông V có biểu hiện ngoại tình. Năm 2012 ông V đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N, sau đó ông V đã rút đơn khởi kiện để vợ, chồng có thời gian hàn gắn tình cảm. Nhưng từ thời điểm ông V rút đơn khởi kiện vào năm 2012 đến nay tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được. Bà N cũng thừa nhận tình cảm vợ, chồng đã bị rạn nứt nhưng chưa đến mức trầm trọng mà vẫn có thể hàn gắn được. Trên thực tế bà vẫn quan tâm về cả vật chất lẫn tinh thần tới ông V, bà thiết tha đề nghị tòa án hòa giải, khuyên nhủ để ông V về chung sống với vợ con. Điều này chứng tỏ tình cảm bà N dành cho ông V vẫn còn, các con ông V cũng đề nghị Tòa án hòa giải để ông V nghĩ lại và cùng vợ, con chung sống hòa thuận hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà N là chính đáng. Tình cảm vợ, chồng vẫn còn hàn gắn được. Do đó bác yêu cầu xin ly hôn của ông V là phù hợp.

[3] Do bác yêu cầu xin ly hôn của ông Trịnh Kỳ V nên về phần con chung, tài sản chung và công nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí:** Ông Trịnh Kỳ V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trịnh Kỳ V đối với bà Ngô Thị N.

2. Về án phí: Ông Trịnh Kỳ V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/02640 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy ông Trịnh Kỳ V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuấn